

Bản án số: **65/2020/HS-PT**
Ngày: 02 - 3 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liên**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

Ông **Bùi Xuân Liêm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **314/2019/HS-PT** ngày 27 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Phi T, Nguyễn Văn T. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: **47/2019/HS-ST** ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Phi T**, sinh ngày 25/02/2003 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Phi V, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/6/2018, bị Công an huyện Đ quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 21/02/2002 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn H, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại

phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Phi T:* Ông **Nguyễn Phi V**, sinh năm 1977 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1976; cùng trú tại: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (*là cha mẹ ruột của bị cáo*); ông V có mặt, bà T vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T:* Ông **Nguyễn H**, sinh năm 1972 và bà **Phan Thị T**, sinh năm 1973; cùng trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (*là cha mẹ ruột của bị cáo*); đều vắng mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Phi T, Nguyễn Văn T: Bà **Nguyễn Thị Hồng T** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 23/4/2019, Nguyễn Phi T và Nguyễn Anh V (sinh ngày 24/7/2003, trú thôn T, xã Đ, huyện Đ) cùng đi chơi game về đến nhà ông Nguyễn T (thôn T, xã Đ, huyện Đ) thì gặp Nguyễn Văn T, cả ba ngồi chơi một lúc thì Nguyễn Phi T rủ Nguyễn Văn T và Nguyễn Anh V cùng nhau đi đến nhà máy gạch không nung Đ tìm tài sản trộm cắp bán kiếm tiền tiêu. T và V đồng ý tham gia. V bảo Nguyễn Phi T lấy xe máy nhãn hiệu AVARICE mang biển số 92F4-7718 (xe của bà Phan Thị T – mẹ đẻ của Nguyễn Văn T) chở V cùng Nguyễn Văn T đến nhà máy gạch không nung Đ đóng ở thôn S, xã Đ, huyện Đ, khi đến nơi cả ba thấy bên trong có chổ sơ bị lộ nên bàn nhau đến Hợp tác xã gạch không nung H để trộm cắp. Cả ba đi đến cách Hợp tác xã gạch không nung H khoảng 200m thì cất giấu xe, rồi cả ba đi bộ đến khu vực tường rào (bằng tôn) bên ngoài Hợp tác xã gạch không nung H, tại đây, Nguyễn Phi T phân công Nguyễn Văn T đứng ngoài canh giới, báo động khi có người đến để cả ba bỏ chạy. Nguyễn Phi T cùng Nguyễn Anh V đột nhập vào bên trong HTX gạch không nung H và đi đến khu vực vận hành máy dập, Nguyễn Phi T thấy 06 (sáu) thanh cỡ khuôn dùng trong hệ thống máy dập, bằng thép, hình trụ có kích thước 1550mm x 50mm. T vác mỗi lần 01 cây di chuyển đến cho V, V vác chuyển ra cho V, cứ như vậy vác hết 06 thanh cỡ khuôn bằng thép ra chỗ T rồi cả ba ngồi nghỉ một lúc rồi mỗi người vác 01 thanh thép vừa trộm cắp được ra chỗ để xe máy. Tại đây V nói đem 06 thanh thép này đến điểm mua phế liệu của bà Đoàn Thị Đ (sinh năm 1954, thôn Đ, xã Đ, huyện Đ) bán. Nguyễn Phi T điều khiển xe 92F4-7718 chở Nguyễn Văn T cùng 03 thanh thép đến chỗ bà Đ, sau đó Nguyễn Phi T quay lại chở Nguyễn Anh V cùng 03 thanh thép đến chỗ bà Đ, lúc này khoảng 05 giờ cùng ngày. Khi Nguyễn Phi T cùng đồng phạm gạ bán 06 thanh thép thì bà Đ hỏi: “sắt đâu bán đây?” Vũ trả lời “của nhà”. Bà Diễm đồng ý mua và cân mỗi thanh thép nặng 21 kg. Bà Đ trả cho V 1.500.000 đồng, V đem tiền chia đều cho ba người để tiêu xài. Đến khi bị phát hiện số tiền bán tài sản trộm cắp mà có các bị cáo đã tiêu xài hết.

Theo Kết luận định giá số 14/HĐĐGTSTTTTHS ngày 15/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ tổng giá trị của 06 (sáu) thanh cỡ

khuôn dùng trong hệ thống máy dập, bằng thép, hình trụ có kích thước 1550mm x 50mm là 13.948.200 đồng (*Mười ba triệu chín trăm bốn tám nghìn hai trăm đồng*).

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: **47/2019/HS-ST** ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Phi T, Nguyễn Văn T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Phi T 09** (Chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T 06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời hạn thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Vào ngày 22/11/2019, các bị cáo Nguyễn Phi T, Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T rút toàn bộ nội dung kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T về hình phạt.

- Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phi T thì thấy: Bị cáo Nguyễn Phi T cùng đồng phạm đã có hành vi bàn bạc, lén lút chiếm đoạt của bị hại có giá trị 13.948.200 đồng nên đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như án sơ thẩm đã quy kết. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, vai trò và nhân thân để xử phạt bị cáo Nguyễn Phi T 09 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, mức án thấp dưới khung hình phạt mà điều luật quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, không phát sinh thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phi T có luận cứ: Thống nhất với tội danh, điểm, khoản, điều luật đã truy tố đối với bị cáo. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại; bị cáo khi phạm tội là người chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử loại bỏ tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Phi T vì khi phạm tội bị cáo Nguyễn Phi T chưa đủ 18 tuổi. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa sai lầm, làm người công dân có ích cho xã hội, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự Nhà nước ta đối với người chưa thành niên phạm tội.

Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo đồng ý với luận cứ của người bào chữa, không tranh luận bổ sung, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Phi T, Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của các bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T rút toàn bộ nội dung kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T về hình phạt.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Phi T khai nhận: Vào khoảng 00 giờ ngày 23/4/2019, bị cáo cùng với Nguyễn Anh V, Nguyễn Văn T đã cùng nhau bàn bạc, lén lút chiếm đoạt 06 thanh cỡ khuôn bằng thép của Hợp tác xã gạch không nung H, có giá trị theo kết luận định giá là 13.948.200 đồng. Sau đó, các bị cáo đem 6 thanh thép nêu trên đi bán được 1.500.000 đồng và chia nhau tiêu xài.

[4] Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Phi T cùng đồng phạm đã có hành vi bàn bạc, lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại có giá trị 13.948.200 đồng nên bản án hình sự sơ thẩm số 47/2019/HS-ST ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam đã kết án bị cáo Nguyễn Phi T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là đúng pháp luật. Tuy nhiên, việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là không sát đúng, gây bất lợi cho bị cáo; bởi lẽ: Khi phạm tội bị cáo Nguyễn Phi T là người dưới 18 tuổi (16 tuổi 02 tháng), nhỏ tuổi hơn người bị xúi giục là bị cáo Nguyễn Văn T (17 tuổi 02 tháng), lứa tuổi chưa thể nhận thức đúng đắn về pháp luật nên theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo và nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Hội đồng xét xử phúc thẩm loại bỏ tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nêu trên đối với bị cáo Nguyễn Phi T. Xét thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã khắc phục toàn bộ thiệt hại

và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; khi phạm tội bị cáo mới 16 tuổi 02 tháng nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần tuyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo đồng thời ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội, thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đồng thời phù hợp với nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại Điều 91 Bộ luật Hình sự “*Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội*”. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và luận cứ của người bào chữa, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt đồng thời áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Phi T, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342; Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn T** về hình phạt. Bản án hình sự sơ thẩm số: **47/2019/HS-ST** ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T có hiệu lực pháp luật kể từ tuyên án phúc thẩm (ngày 02/3/2020).

2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Phi T**, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

- Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 90, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Phi T 09** (Chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách đối với bị cáo là **18** (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 02/3/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Phi T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Bị cáo Nguyễn Phi T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 02/3/2020).

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV06 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q. Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Liên

